

Số: /KH-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3592/QĐ-BNN-BVTV ngày 23/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây trồng chủ lực ở Việt Nam, giai đoạn 2022-2030;

Căn cứ Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4024/QĐ-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 117/BNN-PTNT ngày 07/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường phát triển và sử dụng phân hữu cơ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng

sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b khoản 3 Điều 32 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15);

Căn cứ các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố: Số 43/KH-UBND ngày 14/02/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”; số 139/KH-UBND ngày 16/5/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn chuyên canh, tập trung trên địa bàn Thành phố, thúc đẩy hình thành các liên kết chuỗi giá trị bền vững, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng; góp phần phát triển ngành nông nghiệp Thành phố theo hướng nông nghiệp sinh thái, bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để chủ động phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm, hiệu quả kinh tế cao.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Duy trì các vùng rau an toàn chuyên canh, tập trung với sản lượng đạt trên 400.000 tấn/năm. Nhóm rau chủ lực gồm có: rau họ thập tự, dưa chuột, rau họ đậu, cà chua, bầu bí, nấm các loại...

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung chủ động ứng dụng khoa học công nghệ để tổ chức sản xuất nhằm tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm, hiệu quả kinh tế cao.

2.2. Về kiểm soát các môi nguy an toàn thực phẩm

- Đối với vùng sản xuất rau an toàn chuyên canh, tập trung: tiếp tục phấn đấu kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới ngưỡng quy định cho 90% diện tích sản xuất.

- Đối với diện tích sản xuất rau không chuyên canh; diện tích nhỏ lẻ, manh mún, xen kẹt được quản lý và hướng dẫn thực hiện theo quy trình sản xuất an toàn.

2.3. Truy xuất nguồn gốc: trên 30% sản lượng rau an toàn tại các vùng sản xuất tập trung được truy xuất nguồn gốc.

2.4. Tăng cường hoạt động đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức trong sản xuất rau; đẩy mạnh xây dựng các vùng sản xuất áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP, ISO 22.000...), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sinh học, phân bón hữu cơ; ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ

chức sản xuất, cung ứng, phân phối, dự báo (giá, thời vụ...) nông sản; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong sản xuất nông nghiệp.

2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, khuyến cáo trong việc sử dụng vật tư nông nghiệp đúng quy định, đảm bảo an toàn thực phẩm.

III. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức sản xuất

a) Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn chuyên canh, tập trung

Căn cứ danh mục vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và các vùng sản xuất rau chuyên canh, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng phương án phát triển các vùng sản xuất rau tập trung, chuyên canh phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để hình thành và phát triển các vùng sản xuất rau theo hướng hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng cơ giới hóa, nông nghiệp thông minh và có áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến như: thực hành nông nghiệp tốt GMP, HACCP, ISO 22.000..., sản xuất theo hướng hữu cơ, sản xuất hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn... trên địa bàn Thành phố.

Đối với các vùng sản xuất không nằm trong danh mục vùng sản xuất nông nghiệp tập trung: các địa phương phối hợp với cơ quan chuyên môn tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phát triển các mô hình sản xuất nhỏ nhưng theo hướng hiện đại, phù hợp với tình hình sản xuất của từng vùng.

b) Liên kết sản xuất, xây dựng các chuỗi giá trị

Đẩy mạnh, khuyến khích việc hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Phân đầu mỗi vùng sản xuất rau an toàn chuyên canh, tập trung có từ 1-2 chuỗi liên kết gắn với các diện tích sản xuất rau an toàn ứng dụng cơ giới hóa, ứng dụng nông nghiệp thông minh và áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến như: thực hành nông nghiệp tốt (GAP), GMP, HACCP, ISO 22.000..., sản xuất theo hướng hữu cơ, sản xuất hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn,...

Thực hiện tốt các chính sách để thúc đẩy phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác thực hiện tổ chức sản xuất, tiêu thụ, sơ chế, chế biến rau an toàn.

2. Giải pháp về khoa học, công nghệ

a) Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất

Ứng dụng tốt kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ về sản xuất giống và canh tác rau: nuôi cấy mô, công nghệ sản xuất rau không dùng đất, công nghệ nông nghiệp chính xác, thông minh, ứng dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với sản xuất nông nghiệp chuyên canh và thị hiếu của người tiêu dùng.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong nghiên cứu, sản xuất hạt giống, cây giống có giá trị cao, khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh hại; đẩy mạnh sản xuất các loại rau đặc sản, đặc thù, rau OCOP của Thành phố.

Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá trong sản xuất và chế biến (máy làm đất, máy gieo cây, máy sảy; máy làm lạnh nhanh; máy nghiền; máy phun thuốc có động cơ; thiết bị bay không người lái, hệ thống tưới tiết kiệm,...), phát triển sản xuất rau trong nhà màng, nhà lưới; hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp kết hợp du lịch.

b) Chuyển giao kỹ thuật canh tác, sơ chế, chế biến và bảo quản

Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ về quy trình sản xuất an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc; sơ chế chế biến, bảo quản rau nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Dự kiến tổ chức (1 - 2) khóa huấn luyện giảng viên, hằng năm tổ chức (100 - 150) lớp huấn luyện nông dân về quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp trên rau; tập huấn hướng dẫn kỹ thuật mới trong sản xuất an toàn, phòng trừ sâu bệnh, sơ chế, chế biến, bảo quản sau thu hoạch, sản xuất áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP, ISO 22.000...) cho khoảng 10.000 nông dân.

Thúc đẩy phát triển các diện tích sản xuất rau an toàn theo hướng ứng dụng kỹ thuật mới, công nghệ cao, quy trình canh tác tiên tiến; quy trình canh tác khép kín bền vững, giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với đặc thù vùng sinh thái và quy mô sản xuất; cải tạo, nâng cao độ phì của đất; bón phân cân đối, hợp lý, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật sinh học; thử nghiệm hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; tái chế phụ phẩm; ứng dụng quy trình tưới nước tiết kiệm, hợp lý; chuyển giao quy trình sản xuất rau an toàn vào thực tiễn sản xuất.

Hằng năm, duy trì và phát triển mới (10 – 15) vùng sản xuất rau an toàn áp dụng hệ thống đảm bảo có sự tham gia (PGS), sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, áp dụng biện pháp sinh học và hữu cơ; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, phân chậm tan, phân nhả chậm, phân nano và thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc.

Xây dựng, hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc rau theo từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ trên tích hợp hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội; ưu tiên hướng dẫn, hỗ trợ 100% các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được tiếp cận và áp dụng hệ thống truy xuất hiện đại.

3. Quảng bá sản phẩm rau an toàn gắn với mã số vùng trồng

Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất quảng bá sản phẩm rau an toàn gắn với mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý; đẩy mạnh việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ nội tiêu và xuất khẩu gắn với thương hiệu rau an toàn.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân về quy định mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói xuất khẩu; quy định của các nước nhập khẩu nông sản như: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU v.v... để tạo điều kiện tiếp cận các thị trường này.

Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân duy trì việc đáp ứng quy định của các thị trường đã xuất khẩu rau, đồng thời thông tin các thị trường mới có tiềm năng.

Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, tư duy quản lý về phát triển thị trường nông sản, tăng cường khả năng tiếp cận, tìm kiếm thị trường, công tác marketing cho các hợp tác xã, hội, nhóm sản xuất; đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối rau an toàn phù hợp, có hiệu quả.

Hàng năm, tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, xây dựng (8-10) phóng sự trên các đài truyền hình của Trung ương, Thành phố; in ấn, phát hành tranh ảnh, áp phích, pano cổ động, tờ rơi...

4. Về công tác quản lý nhà nước

Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã/phường trong việc xây dựng và thực hiện phương án sản xuất tại các vùng sản xuất rau chuyên canh, tập trung.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn: chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Kiểm tra, lấy mẫu, đánh giá các mối nguy về an toàn thực phẩm (điều kiện đất, nguồn nước tưới, việc sử dụng phân bón, thuốc BVTV) tại các vùng sản xuất trên địa bàn Thành phố phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất và phát triển rau an toàn tại địa phương.

Thường xuyên kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật). Hàng năm, tiến hành kiểm tra, kiểm nghiệm trung bình 1.000 mẫu rau điển hình nhằm đánh giá mức độ đáp ứng các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm trên rau tại vùng sản xuất, sơ chế, phân phối và lưu thông.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, khai thác hiệu quả nền tảng cơ sở dữ liệu về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đất đai, môi trường, thời tiết...

5. Về đầu tư tăng cường năng lực

Tập trung các nguồn lực để tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các vùng sản xuất rau an toàn chuyên canh, vùng sản xuất rau tập trung.

Hỗ trợ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tham quan, học tập các mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thông minh.

Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất rau toàn theo hướng xã hội hóa, trong đó nguồn lực chính là doanh nghiệp và người dân. Hỗ

trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản rau; doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, nhà máy sơ chế, chế biến sản phẩm.

6. Về hợp tác trong nước và quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác liên kết vùng trong việc xây dựng vùng nguyên liệu, sơ chế gắn với chế biến, tiêu thụ.

Tăng cường hợp tác với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước về nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học về giống, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Hợp tác, phát huy vai trò các Hội ngành nghề nông nghiệp, các Hiệp hội thương mại trong công tác tư vấn quản lý và phát triển chuỗi liên kết, xúc tiến thương mại.

Tranh thủ các nguồn viện trợ, các dự án nước ngoài trong việc xây dựng chuỗi giá trị, chương trình xúc tiến thương mại, triển lãm, hội thảo quốc tế nhằm quảng bá, mở rộng thị trường xuất khẩu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm; Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào nội dung công việc cần triển khai, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

Kinh phí lồng ghép từ các chương trình dự án có liên quan, kinh phí tự có của các tổ chức kinh tế - xã hội; huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nhà tài trợ, tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, không trùng lặp với các nội dung, nhiệm vụ, theo đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách Thành phố, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sở Công Thương

Theo dõi, bám sát tình hình cung cầu mặt hàng rau để kịp thời triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo nguồn cung ứng đáp ứng nhu cầu của người dân; hỗ trợ kết nối các cơ sở sản xuất rau tiếp cận, tham gia các sàn thương mại điện

từ; triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm rau an toàn của Thành phố.

Đối với thị trường xuất khẩu, tiếp tục giữ vững những thị trường tiêu thụ rau truyền thống, đồng thời phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan đẩy mạnh hoạt động xúc tiến nhằm hỗ trợ mở rộng các thị trường mới.

4. Các Sở, Ngành Thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, trong đó tập trung vào phát triển sản xuất tại các vùng chuyên canh, tập trung.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ đặc điểm tình hình, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành có liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai và cân đối nguồn lực tổ chức thực hiện trong phạm vi quản lý nhà nước của địa phương.

Các Sở, Ban, Ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố (*để báo cáo*);
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở, Ban, Ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND TP: CVP, PCVP B.V.Thắng,
NNMT, KT, TH;
- Lưu VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quyền

PHỤ LỤC**Các nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Đào tạo giảng viên về quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM trên cây rau	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2028
2	Lớp huấn luyện nông dân về quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030
3	Tập huấn hướng dẫn quy định về an toàn thực phẩm, phòng trừ sâu bệnh, sơ chế, chế biến, bảo quản; quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói xuất khẩu; tăng cường khả năng tiếp cận, tìm kiếm thị trường...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030
4	Duy trì, phát triển các vùng sản xuất PGS, VietGAP, hữu cơ...; Phát triển các diện tích sản xuất rau an toàn ứng dụng cơ giới hóa, ứng dụng nông nghiệp thông minh, thử nghiệm hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ, sản xuất khép kín bền vững, giảm phát thải khí nhà kính...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030
5	Quảng bá sản phẩm rau an toàn gắn với mã số vùng trồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030
6	Kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm sản phẩm; đánh giá các mối nguy an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030
7	Tuyên truyền trên các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương và Thành phố Thông tin, truyền thông về các vùng rau an toàn chuyên canh, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030
8	Hội nghị, hội thảo, thông tin, tuyên truyền trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm truyền thông (bản tin, tờ rơi, pano, áp phích...).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030